

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 1026/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2020  
Hanoi, 23 October 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 22/10/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Componet Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order I	Securities symbol Chứng khoán/Stock	Volume	Weight
1	ACB	2,800	5.3%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	260	0.4%
4	CTD	50	0.2%
5	CTG	980	2.3%
6	DXG	610	0.5%
7	EIB	1,460	1.9%
8	FLC	790	0.2%
9	FPT	880	3.5%
10	GAS	130	0.7%
11	GEX	490	0.8%
12	GMD	350	0.6%
13	HBC	220	0.2%
14	HCM	170	0.3%
15	HDB	1,230	2.3%
16	HPG	2,680	5.9%
17	HSG	410	0.5%
18	KBC	460	0.5%





19	MBB	2,230	3.1%
20	MSN	570	3.6%
21	MWG	410	3.3%
22	NLG	210	0.4%
23	NVL	470	2.2%
24	PDR	200	0.6%
25	PLX	140	0.5%
26	PNJ	250	1.3%
27	POW	650	0.5%
28	PPC	110	0.2%
29	PVD	290	0.2%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	210	0.7%
32	ROS	780	0.1%
33	SAB	90	1.3%
34	SBT	320	0.4%
35	SHB	1,700	2.0%
36	SSI	500	0.7%
37	STB	2,390	2.6%
38	TCB	3,210	5.7%
39	TCH	270	0.4%
40	TPB	680	1.3%
41	VCB	540	3.5%
42	VCG	100	0.3%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.4%
45	VHM	1,160	6.7%
46	VIC	1,250	9.2%
47	VJC	360	2.8%
48	VNM	1,230	9.9%
49	VPB	2,410	4.6%
50	VRE	1,270	2.7%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>21,446,399</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,305,941,900 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,327,388,299 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	21,446,399 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/  
*In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:*



STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	52,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	17,700	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	86,200	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	25,200	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	52,800	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	23,500	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	18,550	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	105,800	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	PNJ	67,000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	REE	41,800	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>





11	TCB	23,750	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	25,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 22/10/2020	Kỳ trước/Last Period 21/10/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13,500,000	13,500,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	13,500	13,400	100
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	179,197,420,458	179,919,105,573	-721,685,115
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,327,388,299	1,332,734,115	-5,345,816
của 1 CCQ/ per Share	13,273.88	13,327.34	-53.46
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,524.33	1,505.04	19.29



*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC